TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số:150/2020/QĐST-HNGĐ	*Việt Yên, ngày 07 tháng 9 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 237/2020/TLST – HNGĐ ngày 25/8/2020, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L – Sinh năm 1984

HKTT: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Dương Văn H – Sinh năm 1978

HKTT: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng chính sách xã hội huyện V

Do ông Ngô Gia Ư – Phó giám đốc đại diện theo ủy quyền

Địa chỉ: Xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55; điều 57; Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 26; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2020;

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện ly hôn và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn H thuận tình ly hôn.

* Con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Dương Văn H xác nhận vợ chồng có 03 con chung là cháu Dương Văn H, sinh ngày 09/11/2002, cháu Dương Văn H1, sinh ngày 09/8/2005 và cháu Dương Văn H2, sinh ngày 05/9/2006. Ly hôn, vợ chồng thống nhất thỏa thuận: Anh H trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung của vợ chồng là cháu Dương Văn H, Dương Văn H1 và Dương Văn H2. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị L anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị L có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

* Về tài sản chung, ruộng canh tác: Chị L anh H xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về công nợ: Chị L, anh H và ông Ư thống nhất thỏa thuận: Anh H có trách nhiệm thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện V tổng số tiền gốc 31.000.000 đồng bao gồm: Theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dư nợ mã món vay 6600000712207905 ngày 18/3/2018 là 19.000.000 đồng và theo sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay- thu nợ- dư nợ mã món vay 6600000718606918 ngày 18/8/2020 là 12.000.000 đồng và lãi phát sinh theo từng mã món vay đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2016/0001341 ngày 25/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Hoàn trả chị L 150.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0001341 ngày 25/8/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Việt Yên.

Anh H phải chịu 775.000 đồng án phí DSST.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- THADS huyện Việt Yên;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Lương Thị Thanh Quyên